

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2025
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Ngọc và bà Lại Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1999; nơi ĐKKHKT: KDC H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: KDC C, phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Trịnh Quý T, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu dân cư H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

- Người làm chứng:

+ Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1961; địa chỉ: KDC C, phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: KDC H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày như sau: Chị và anh Trịnh Quý T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/3/2020 tại UBND phường H, thị xã K. Sau ngày cưới, vợ chồng chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại KDC H, phường H, thị xã K. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên chơi bời bạn bè,

hay uống rượu đến đêm không về nhà. Ngoài ra, anh T nhiều lần đe dọa và đánh chị, phá hoại tài sản là điện thoại của chị, đồ dùng trong nhà. Anh T không quan tâm, lo toan cho gia đình, không chăm sóc vợ con. Anh T đi làm nhưng không đưa tiền để chị chăm lo sinh hoạt cho gia đình. Tháng 9/2023, do anh T nghi ngờ chị ngoại tình nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ để chị sinh sống. Do được mẹ đẻ khuyên bảo nên chị đã về đoàn tụ với chồng con. Công việc của chị là chăm sóc sắc đẹp, gội đầu dưỡng sinh và làm nail, mi nhưng anh T không tôn trọng, hay chì chiết, nói công việc đó không đoàng hoàng, đứng đắn nên không cho chị đi làm dẫn đến vợ chồng không thể hòa hợp với nhau. Do vậy, cuối tháng 02/2025 chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Chị và anh T không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Trịnh Gia B, sinh ngày 04/01/2021. Hiện nay, cháu B đang ở cùng anh T và ông bà nội tại KDC H, phường H. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 2.000.000 đồng/tháng. Chị đang làm nhân viên chăm sóc sắc đẹp tại quán spa, thu nhập trung bình là 9.000.000 đồng/tháng. Công việc của chị linh hoạt nên có thể đảm bảo điều kiện nuôi con. Chị đang sống với mẹ nên được mẹ hỗ trợ chị trong việc ăn, ở.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai đương sự, bị đơn anh Trịnh Quý T trình bày: Về điều kiện kết hôn, anh trình bày như chị H trình bày nêu trên. Anh và chị H chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, chị H không tôn trọng, lo toan công việc nhà chồng. Đến ngày 02/10/2023, chị H đã bỏ nhà đi đâu, ở đâu, với ai anh không biết. Anh có nhắn tin động viên thì đến ngày 02/4/2024 chị H về nhà chung sống với anh và con. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Do có bất đồng từ trước và vợ chồng không có chung quan điểm trong việc làm ăn kinh tế nên tình cảm dần phai nhạt. Đến tháng 10/2024, chị H có đi làm tại quán Spa, gội đầu dưỡng sinh, mát xa và làm nail, mi. Khi biết chị làm công việc này, anh đã bảo chị H nghỉ việc nhưng chị H không đồng ý và vẫn tiếp tục đi làm. Từ đó chị H ít tâm sự, chia sẻ công việc với anh và dần không còn quan tâm đến chồng con. Đến cuối 02/2025, chị H bỏ đi và không liên lạc, quan tâm, hỏi thăm anh. Nay anh xác định vợ chồng cũng đã có mâu thuẫn do vậy chị H xin ly hôn anh, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Trịnh Gia B, sinh ngày 04/01/2021. Hiện nay, cháu B đang ở với anh và ông bà nội tại KDC H, phường H. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh là 2.000.000 đồng/tháng. Anh làm công nhân tại Công ty thép H; địa chỉ: phường H, thị xã K, lương trung bình 10.000.000

đồng/tháng. Anh ở cùng bố mẹ nên ông bà hỗ trợ anh trong việc đưa đón, chăm sóc, dạy dỗ cháu B và tạo điều kiện về chỗ ăn, ở cho anh và cháu B.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời khai của người làm chứng:

+ Bà Hoàng Thị B - Mẹ đẻ của chị H trình bày: Sau ngày cưới, chị H về chung sống tại gia đình anh T ở KDC H, phường H, thị xã K. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng tháng 8-9 năm 2023, chị H chuyển về nhà bà sinh sống. Chị H nói vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên đe dọa, đánh đập chị. Bà có khuyên bảo chị H để vợ chồng về đoàn tụ nhưng đến tháng 02/2025 chị H lại bế cháu B về nhà bà ở và nói sẽ ly hôn do anh T không tôn trọng công việc của chị, thường xuyên ghen tuông nghi ngờ chị ngoại tình. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh T bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị về đoàn tụ. Anh chị có 01 con chung là Trịnh Gia B, sinh ngày 04/01/2021. Nếu anh chị ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu B. Trường hợp, chị H được nuôi con, bà sẽ hỗ trợ chị H về điều kiện chỗ ở và trông nom cháu B.

+ Bà Nguyễn Thị T - Mẹ đẻ của anh T trình bày: Thời gian đầu, anh T, chị H chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó anh chị thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do hai bên không có chung quan điểm sống, không có sự chia sẻ thấu hiểu công việc của nhau. Đến tháng 10/2023, chị H bỏ nhà đi, không xin phép ai đến tháng 4/2024 chị H về nhà. Vợ chồng anh chị sống hòa hợp đến tháng 10/2024, chị H bắt đầu đi làm công việc gội đầu, mát xa và làm nail, mi nên anh chị hay xảy ra mâu thuẫn bất đồng. Chị đi làm từ sáng đến tối mới về, ít khi nói chuyện với mọi người trong gia đình và không dành thời gian cho con cái. Hiện cháu B đang ở cùng anh T. Bà là người trực tiếp đưa đón cháu B đi học, bà cũng hỗ trợ anh T chăm sóc, cơm nước cho cháu B. Anh T và cháu B đang ở trên nhà, đất của vợ chồng bà. Trường hợp anh chị ly hôn, bà đề nghị giao cho T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B để tạo điều kiện tốt nhất cho cháu học tập, phát triển.

Tại phiên tòa:

Chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh T nhất trí.

Chị H và anh T thỏa thuận giao cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 04/01/2021 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ khi ly hôn đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, các Điều 58, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân

sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Thanh H và anh Trịnh Quý T.

- Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T về việc giao cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 04/01/2021 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh T là 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con kể từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện vụ án dân sự về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Kinh Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, thấy rằng:

Chị Trần Thị Thanh H và anh Trịnh Quý T kết hôn với nhau ngày 31/3/2020 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã K do vậy được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh T đã có mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc lựa chọn công việc, nghi ngờ nhau không chung thủy, cho rằng vợ, chồng không tôn trọng nhau dẫn đến cãi vã. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã tự khắc phục nhưng không được. Vợ chồng anh chị đã ly thân một thời gian, không còn quan tâm đến nhau nữa. Tại phiên tòa, chị H và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Do vậy căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh H và anh Trịnh Quý T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Trịnh Gia B, sinh ngày 04/01/2021, hiện đang ở cùng anh T. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu B và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Hiện anh đang làm công nhân tại Công ty thép H, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng. Anh và cháu B đang ở cùng bố mẹ đẻ anh, ông bà hỗ trợ chỗ ăn, ở và đưa đón cháu đi học. Chị H xác định bản thân có công việc, thu nhập ổn định. Tại phiên tòa, chị H và anh T thỏa thuận thống nhất giao cháu B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác, anh T nhất trí. Xét thỏa thuận của chị H và anh T là tự nguyện, anh T có đủ điều kiện nuôi con, chị H có đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T về nội

dung nêu trên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Thanh H là nguyên đơn có yêu cầu về ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, các Điều 58, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh H và anh Trịnh Quý T.

2. Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị Thanh H và anh Trịnh Quý T về việc giao cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 04/01/2021 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh T là 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con kể từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng nêu trên thì chị H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con). Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007053 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Báo chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Quyết